

Số: /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp cảng cá Ninh Cơ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3342/QĐ-BNN-KH ngày 24/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp cảng cá Ninh Cơ;

Căn cứ Quyết định số 9999/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 cảng cá Ninh Cơ;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 1314/GPMT-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Nam Định;

Căn cứ văn bản số 702/UBND-VP3 ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định làm chủ đầu tư dự án Nâng cấp cảng cá Ninh Cơ;

Xét Tờ trình số 2323/TTr-SNN ngày 26/9/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định (chủ đầu tư) về việc trình phê duyệt dự án Nâng cấp cảng cá Ninh Cơ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch (kèm theo báo cáo số 1925/BC-TCTS-KHTC ngày 08/11/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp cảng cá Ninh Cơ với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp cảng cá Ninh Cơ.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định.

4. Mục tiêu: Nâng cấp cải tạo cảng cá Ninh Cơ tỉnh Nam Định để đáp ứng nhu cầu neo đậu, bốc xếp hàng hóa, cung cấp nhu yếu phẩm, truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác ngư trường phía Bắc vịnh Bắc Bộ, từng bước đáp ứng tiêu chí cảng cá loại I.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Nạo vét khu nước cảng, bao gồm: Khu vực hoạt động của bến tàu; vùng quay tàu, luồng tàu vào cảng và khu vực neo đậu.

5.1.1. Khu vực hoạt động của bến tàu (khu nước trước bến) gồm 02 khu bến

- Khu bến cho tàu đến 800CV: Kích thước (90mx45m); cao độ đáy -4,3m.

- Khu bến cho tàu đến 150CV: Kích thước (181mx30m); cao độ đáy -3,5m.

5.1.2. Vũng quay tàu gồm 02 vũng

- Vũng quay tàu có đường kính 105m, cao độ đáy -4,3m.

- Vũng quay tàu có đường kính 80m, cao độ đáy -3,5m.

5.1.3. Vùng neo đậu tàu phía Nam: 02 khu vực

- Khu vực neo đậu cho tàu đến 90CV: diện tích khoảng 0,9ha; cao độ đáy -3,0m.

- Khu vực neo đậu cho tàu đến 60CV: diện tích khoảng 0,7ha; cao độ đáy -2,0m.

- Luồng tàu vào khu vực neo đậu có bề rộng trung bình 37m.

5.1.4. Vùng neo đậu tàu phía Bắc:

- Khu vực neo đậu cho tàu đến 60CV, diện tích khoảng 0,8ha; cao độ đáy -2,0m.

- Luồng tàu vào khu vực neo đậu có bề rộng trung bình 13m.

5.1.5. Vận chuyển và đổ chất nạo vét: Khối lượng dự kiến khoảng 66.000 m³; Vị trí Bãi chứa theo quy định của UBND Tỉnh Nam Định; Vận chuyển đường thủy, cự ly vận chuyển dự kiến khoảng 13km.

5.2. Nâng cấp cầu cảng, bến cảng: Nâng cấp cầu cảng đáp ứng cho tàu cá đến 800CV, 120 lượt tàu/ngày. Xây dựng nối dài cầu cảng về phía Bắc và phía Nam cầu cảng đã có, đưa tổng chiều dài cầu cảng của cảng cá Ninh Cơ lên đến 271m và xây dựng mái che bến tàu trên toàn bộ tuyến bến, bao gồm:

5.2.1. Xây dựng mới đoạn nối dài cầu cảng phía Nam: Chiều dài 45m, rộng 12,1m, cao độ mặt bến +2,45m. Kết cấu bến BTCT trên nền cọc BTCT. Bích neo tàu. Đệm chống va tàu cao su.

5.2.2. Xây dựng mới đoạn nối dài cầu cảng phía Bắc: Chiều dài 34m, rộng 12,1m, cao độ mặt bến +2,45m. Kết cấu bến BTCT trên nền cọc BTCT. Bích neo tàu. Đệm chống va tàu cao su.

5.2.3. Nâng cấp đoạn cầu cảng hiện hữu: Nâng cấp trên cơ sở 192m cầu cảng đã có, bổ sung lớp mặt bến bằng bê tông xi măng đưa cao độ mặt bến đạt +2,55m. Nâng cấp, thay thế đệm chống va tàu cao su đáp ứng tàu đến 800CV. Duy trì các bích neo tàu, gờ chắn xe hiện hữu trên cầu cảng.

5.2.4. Mái che bến tàu: Mái che bến tàu kết cấu thép được xây dựng trên toàn bộ 291m chiều dài cầu cảng, đảm bảo cho hoạt động bốc dỡ hàng thủy sản bằng cơ giới. Trong đó, mái che bến tàu trên khoảng 150m chiều dài dọc bến được kết hợp với mái che nhà phân loại được xây dựng sau bến.

5.3. Sửa chữa kè bờ, công trình neo buộc tàu

5.3.1. Kè bảo vệ bờ loại 1: Kè bảo vệ bờ phía sau cầu cảng, có chiều dài toàn bộ khoảng 335m. Kè mái nghiêng, kết cấu đá hộc lát khan trong khung vây BTCT.

Tổng chiều dài những đoạn kè cần sửa chữa, nâng cấp để phù hợp với những nội dung nâng cấp cầu cảng khoảng 100m. Phần kè giữ nguyên không sửa chữa là có tổng chiều dài khoảng 240m.

5.3.2. Kè bảo vệ bờ loại 2: Kè bờ bảo vệ bờ âu neo đậu phía Bắc và phía Nam. Kè mái nghiêng lát đá hộc, bao gồm:

- Kè âu phía Bắc có chiều dài toàn bộ là 231m. Phần kè giữ nguyên không sửa chữa là có chiều dài 221m, đoạn kè sửa chữa dài 10m.
- Kè âu phía Nam có chiều dài toàn bộ 220,5m giữ nguyên không sửa chữa.

5.3.3. Bích neo: Bổ sung bích neo trên 2 tuyến kè phía bắc và phía nam (tổng số 41 bích neo).

5.4. Nhà phân loại thủy sản

- Xây dựng mới Tổ hợp nhà phân loại thủy sản tại vị trí sau bến cầu tàu hiện có, mái che nhà phân loại được kết hợp với mái che cầu cảng.

Tổng diện tích Tổ hợp nhà phân loại là 2.940m², trong đó diện tích có mái che là 2.380m². Nhà phân loại có kết cấu thép, nền sàn BTCT. Trong nhà phân loại có bố trí phòng kỹ thuật, phòng trực, công trình phụ trợ và hệ thống cấp điện, cấp nước và phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn.

- Nước thải phát sinh trên nền nhà phân loại được thu gom bằng hệ thống rãnh thu trong nhà, sau đó truyền dẫn qua đường ống về trạm xử lý nước thải tập trung.

5.5. Đường giao thông và sân bãi nội bộ trong cảng: Nâng cấp cải tạo 03 tuyến đường nội bộ (trên 12 tuyến đường hiện có), xây dựng mới 01 tuyến đường, bao gồm:

5.5.1. Nâng cấp cải tạo 03 tuyến đường nội bộ:

- Tuyến D5 từ cổng chính của cảng cá đến bến tàu, chiều dài 209,8m. Hướng tuyến song song với kè âu phía Bắc, bề rộng mặt đường sau nâng cấp = 10m. Mặt đường cấp phối đá dăm.

- Tuyến N3 song song với bến tàu, chiều dài 91,7m, nâng cấp trên cơ sở đường hiện có, bề rộng mặt đường sau nâng cấp = 11m, mặt đường bê tông nhựa. 07 hồ trồng cây xanh trên tuyến.

- Tuyến N4 song song với bến tàu, chiều dài 241,4m, nâng cấp trên cơ sở đường hiện có, nâng cấp mặt đường trải bê tông nhựa, bề rộng mặt đường sau nâng cấp = 11m.

5.5.2. Xây mới tuyến đường D6 vào khu tập kết rác thải, mặt đường rộng 11m trải bê tông nhựa. Vĩa hè, rãnh thoát nước dọc tuyến.

5.6. Trạm xử lý nước thải: Nâng cấp cải tạo trên cơ sở trạm xử lý nước thải hiện có, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT, nâng công suất trạm từ 50m³/ngày đêm lên 250m³/ngày đêm.

5.7. Hệ thống thoát nước

5.7.1. Thoát nước mưa: Nâng cấp, sửa chữa trên cơ sở hệ thống hiện có. Nâng cấp hố ga thu nước, thay thế nắp hố ga, cửa thu nước BTCT. Sửa chữa một số vị trí trên tuyến để đảm bảo đồng bộ hệ thống giao thông, sân bãi.

5.7.2. Thoát nước thải:

- Xây dựng mới khoảng 408m đường ống công BTCT kết hợp với hệ thống ống công hiện có để dẫn nước thải thu gom từ 03 nhà phân loại, nhà tập kết rác, nhà vệ sinh công cộng về bể tập trung nước thải.

- Xây dựng mới khoảng 126m đường ống công BTCT dẫn nước thải sau xử lý từ trạm xử lý nước thải tập trung ra sông.

5.8. Hệ thống cấp nước

5.8.1. Nguồn cấp từ trạm xử lý nước sạch của cảng. Công suất yêu cầu khoảng 380m³/ngày đêm.

5.8.2. Nâng cấp trạm xử lý nước: Cải tạo, sửa chữa trạm xử lý nước hiện có. Thay mới vật tư bể lọc nước, sửa chữa trạm trên cơ sở công trình hiện trạng.

5.8.3. Hệ thống cấp nước ngoài nhà: Xây dựng mới hệ thống cấp nước bằng ống HDPE thay thế cho hệ thống cũ, gồm:

- Tuyến ống chính có chiều dài khoảng 334m từ tháp nước.

- Các tuyến nhánh đến cầu tàu, nhà phân loại và các điểm phục vụ sinh hoạt.

5.9. Phòng cháy chữa cháy: Xây dựng mới hệ thống phòng cháy chữa cháy thay thế cho hệ thống hiện có, bao gồm:

- Các họng cấp nước chữa cháy, cửa tiếp nước.

- Bình bột, khí chữa cháy, hộp chứa bình, nội quy/tiêu lệnh... tại các khu nhà.

- Trạm bơm nước chữa cháy: 01 máy bơm điện có lưu lượng 36-72m³/h; 01 máy bơm diesel có lưu lượng 36-72m³/h; 01 máy bơm bù áp có lưu lượng 2,5-8,5m³/h.

5.10. Hệ thống cấp điện.

5.10.1. Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp điện

- Thay thế toàn bộ cáp điện tuyến trung thế 22Kv đã cũ bằng cáp mới có cùng tiết diện.

- Thay thế các thiết bị điện trên cột và trong trạm biến áp (không bao gồm máy biến áp).

- Thay thế lắp đặt đường dây cáp điện hạ thế 0,4Kv cho các công trình hạ tầng thiết yếu của cảng cá, đường dây đi ngầm đặt trong hào cáp dùng chung với hệ thống cấp nước.

5.10.2. Cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng: Thay thế bóng đèn chiếu sáng tiết kiệm điện; Thay thế bổ sung tủ điều khiển chiếu sáng, hệ thống tiếp địa liên hoàn; Hạ ngầm và thay thế toàn bộ cáp cấp điện chiếu sáng.

5.11. Nhà tập kết rác thải: Xây mới nhà tập kết rác thải, diện tích khoảng 167m². Nhà một tầng, kết cấu cột BTCT, mái tôn thép.

5.12. Cải tạo nhà văn phòng (hiện có quy mô 02 tầng, tổng diện tích 470m²)

Cải tạo trên cơ sở công trình hiện có, không mở rộng diện tích, bổ sung chức năng làm việc của văn phòng quản lý về truy xuất nguồn gốc thủy sản qua cảng (IUU).

5.13. Đèn báo hiệu cảng: Lắp đặt mới 01 đèn báo hiệu trên tháp nước, tầm hiệu lực danh định $10 \leq R < 15$ hải lý.

5.14. Nhà trực quản lý về truy xuất nguồn gốc thủy sản qua cảng (IUU): Xây dựng phòng trực trong nhà phân loại thủy sản, diện tích khoảng 72m², phục vụ 06 cán bộ-nhân viên trực ngày và đêm.

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần BC&D.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất xây dựng công trình:

7.1. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

7.2. Diện tích đất xây dựng công trình: khoảng 103.203m².

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

8.1. Nhóm dự án: Nhóm B.

8.2. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

9.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: tại Phụ lục II kèm theo.

10. Tổng mức đầu tư: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Bao gồm:

- Chi phí xây dựng: 117.505.146.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 2.638.020.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 1.659.286.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 8.384.154.000 đồng
- Chi phí khác: 1.772.992.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 18.040.402.000 đồng

(Nội dung chi tiết như Phụ lục I kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm kể từ năm khởi công.

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn từ Ngân sách trung ương (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý)

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Các nội dung khác:

14.1. Các lưu ý trong trong giai đoạn triển khai sau thiết kế cơ sở:

a) Các nội dung được phép thay đổi trong bước thiết kế sau thiết kế cơ sở: Chi tiết tuyến đường giao thông/tuyến cấp thoát nước, chi tiết kiến trúc công trình, chiều dài cọc, vị trí các cột, hố ga trên tuyến đường dây cấp điện; Việc điều chỉnh thay đổi không làm vượt tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho dự án;

b) Tính toán, lựa chọn tối ưu kết cấu cầu cảng, nhà phân loại, đường giao thông, kè bờ đảm bảo ổn định, kỹ thuật, kinh tế.

c) Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế thi công, thiết kế xây dựng công trình, phù hợp yêu cầu của quy hoạch xây dựng của địa phương đã được phê duyệt và đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại các Điều: 25; 26; 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

14.2. Đề nghị đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định:

a) Quy định cụ thể địa điểm đổ thải, giải pháp bảo vệ môi trường trong vận chuyển tồn chứa chất nạo vét.

b) Quy định nội dung quản lý sử dụng và các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc sử dụng khối lượng chất nạo vét thu hồi từ việc nạo vét khu nước Dự án phù hợp yêu cầu của pháp luật liên quan.

c) Tổ chức tiếp nhận quản lý tài sản hình thành từ Dự án, giao đơn vị quản lý sử dụng, khai thác vận hành đúng mục tiêu đầu tư.

14.3. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

a) Trước khi trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể của Dự án, chủ đầu tư thực hiện:

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định bố trí và chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét khu nước dự án (có văn bản chấp thuận của UBND Tỉnh).

- Ban hành Quyết định sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện năng lực để tổ chức quản lý dự án.

b) Xây dựng phương án đảm bảo an toàn giao thông khi thực hiện các hoạt động xây dựng tại vị trí, phạm vi dự án để được giám sát, điều phối theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng nội dung giám sát, quản lý đối với việc thi công nạo vét, vận chuyển, lưu chứa chất nạo vét đúng quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

d) Xây dựng kế hoạch, nội dung bàn giao hạng mục công trình điện vào vận hành khai thác phù hợp với Quyết định 41/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư từ vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Tổng cục Thủy sản thực hiện chức năng của cơ quan chuyên môn về xây dựng, là đơn vị đầu mối thẩm định, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch thực hiện chức năng phân bổ vốn đầu tư thực hiện dự án, giám sát/đánh giá đầu tư và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý vốn, kỹ thuật, chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, về bảo vệ môi trường; bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo đúng các quy định chuyên ngành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- UBND tỉnh Nam Định;
- Kho bạc NN tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp